Quá trình tiếp nhận kinh A Di Đà ở Việt Nam

ISSN: 2734-9195 21:32 14/07/2023

Đối với người Phật tử Việt Nam, Kinh A Di Đà cùng hồng danh A Di Đà Phật từ lâu đã trở thành nơi hướng tâm về để gửi trọn niềm tin trong đời sống tâm linh và pháp môn tu tập. Sức lan tỏa của pháp môn Tịnh Độ và hình ảnh đức Phật A Di Đà đã đi sâu vào tâm thức người Phật tử Việt Nam

Tác giả: **SC.Thích nữ Trung Hiếu & TT TS.Thích Hạnh Tuệ**

DẪN NHẬP

Kinh A Di Đà (Sukhavativyuhah - 小無 量壽經, Tiểu Vô lượng thọ kinh) là bản kinh văn thuộc hệ thống kinh tạng của Phật giáo Đại thừa, xuất hiện sớm trong thời kỳ Phật Giáo chuyển mình phát triển theo thời đại ở Ấn Độ từ những năm đầu kỷ nguyên tây lịch. Hiện nay, nguyên bản tiếng Phạn của kinh A Di Đà vẫn còn tại Nhật Bản và trong Đại tạng kinh Tây Tạng. Kinh A Di Đà được đức Thế Tôn chủ động tuyên thuyết (vô vấn tự thuyết) ở tu viện Cấp Cô Độc trong vườn cây của thái tử Kỳ Đà cùng 1250 vị Tỳ kheo trong đó có các bậc đại đệ tử lớn của Phật, ngoài ra còn có các vị Bồ Tát, chư Thiên ... nhiều đến vô lượng. Nội dung kinh là lời giới thiệu về cõi Cực lạc của đức Phật A Di Đà với y báo và chánh báo trang nghiêm, thù thắng do hạnh nguyện Đức A Di Đà tạo ra. Cõi Cực lạc ấy cách xa cõi ta bà mười vạn ức cõi Phật về hướng Tây. Đồng thời chỉ dạy phương pháp để chúng sinh có thể sinh về cõi Cực Lạc phương Tây ấy.

A Di Da (10)Đối với **Tịnh Độ** Tông, kinh A Di Đà còn gọi là Tiểu bản A Di Đà là một trong 3 bài kinh quan trọng nhất làm cơ sở lý luận, được gọi là Tịnh Độ tam kinh. Hai bài kinh khác trong 3 bộ này là kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh Vô Lượng Thọ. Danh hiệu A Di Đà dịch từ tiếng Phạn là Amita hay Amitabha hoặc Amitayur có nghĩa là Vô Lượng Thọ "*Bỉ Phật thọ mạng, cập kỳ nhơn dân, vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cố danh A-Di-Đà*" hay Vô Lượng Quang "*Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A-Di-Đà*" nói gọn là Vô Lượng. Hòa thượng Thích Chơn Thiện giải thích như sau: Vô Lượng là biểu tượng cho thật cảnh hay thật trí vốn ngoài phạm trù tư duy và

diễn đạt. Vô Lượng Quang là biểu tượng cho Pháp Thân, Tuệ giải thoát. Vô Lượng Thọ là biểu tượng cho giải thoát thân (Vimukti-kaya), tâm giải thoát, đại định. Như vậy, hồng danh A Di Đà là danh hiệu biểu tượng cho tự tính giác ngộ và giải thoát của chúng sinh nên còn được tôn xưng là Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật.

Nội dung tư tưởng triết lý cùng hình ảnh biểu tượng trong kinh A Di Đà vừa có thể chuyển tải những giáo lý cốt tủy sâu xa của đức Phật Đà nhưng lại có thể phổ cập mọi căn cơ trình độ của chúng sinh. Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng nói: Đối với kinh Di Đà ta có thể hiểu một cách rất sâu nhưng cũng có thể hiểu một cách rất cạn. Cả người hiểu sâu và hiểu cạn đều có thể thực tập. Nên từ xưa Vua Trần Thái Tông dù tu tập và chứng ngộ thiền nhưng cũng rất quan tâm đến pháp tu Tịnh Độ. Ông đã liệt kê ba căn trí của người tu niệm Phật là thượng trí, trung trí và hạ trí. Mỗi trình độ căn trí lại có phương pháp thực tập niệm Phật khác nhau. Chư vị tổ sư cũng từng dạy niệm Phật một câu có thể diệt được tám muốn bốn ngàn trần lao phiền não. Trong lời tựa kinh *A Di Đà yếu giải*, Hòa thượng Thích Tuệ Nhuận cũng khẳng định rằng: *"Tu Thiền Tông mau chóng thành Phật nhất. Tu Tịnh Độ còn mau chóng và chắc chắn hơn. Tu môn nào cũng phải thấy rõ Phật tính rồi mới có thể thành Phật. Tu Tịnh Độ thì mỗi tiếng niệm Phật danh là thấy rõ Phật tính hiện tiền. Thấy rõ Phật tính là thành Phật quả, khi đó chuyển hóa được Ta Bà thành Cực Lạc... trả lại tự do, hòa bình, hạnh phúc, bình đẳng cho tất cả muôn loài".*

NỘI DUNG

Kinh A Di Đà hay nói chung là tư tưởng Tịnh Độ luôn nhận được sự quan tâm lớn của phần lớn tín đồ Phật tử ở các nước mà Phật giáo Đại thừa đi qua. Kinh A Di Đà là bài kinh quan trọng của Tinh Độ tông nên khi nào có sự xuất hiện của Tông Tịnh Độ hay Hồng danh Ngài thì cũng dần khẳng định có sự xuất hiện sớm hay muộn của kinh A Di Đà. Như vậy, Tịnh Độ Tông hay Hồng danh A Di Đà Phật xuất hiện, định hình và phát triển ở một số quốc gia Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam... như sau:

Ở Ấn Độ, kinh A Di Đà hay tư tưởng Tịnh Độ không tạo được phong trào lớn mạnh như ở Trung Hoa, Việt Nam hay một số quốc gia khác. Một số kinh đề cập tới đức Phật A Di Đà và cõi Tịnh Độ ở giai đoạn đầu như sau:

Kinh Pháp Hoa trong phẩm hóa thành dụ: kinh kể về một trong 16 vị vương tử của đức Đại Thông Trí Thắng sau đó thành Phật có tên là A Di Đà ở thế giới Tây phương. Trong phẩm Dược Vương Bồ Tát: Sau khi Như Lai diệt độ 500 năm sau có người dù là người nữ nghe kinh điển này như lời dạy mà tu hành thì khi mạng chung sẽ được vãng sinh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Trên nền tảng tư

tưởng Pháp Hoa kết nạp tín ngưỡng A Di Đà vào tư tưởng nhất thừa. Đối với Pháp Hoa, Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà chính là một trong những hóa thành cho chúng sinh nghỉ ngơi, tu tập.

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện có đoạn:

"Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời

Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại

Diện kiến bỉ Phật A Di Đà

Tức đắc vãng sinh an lạc quốc".

Đoạn này được trích ra và trở thành kinh nhật tụng cảm động của các Phật tử Tịnh Độ sau này. Nhưng ý nghĩa vãng sinh trong kinh Hoa Nghiêm không dừng lại ở đó mà được lý giải trên tư tưởng duy tâm. Trong kinh có đoạn *"các đức Như Lai không đi đến đây, ta cũng không đi đến đó. Khi nào muốn thì khi ấy ta liền thấy Như Lai Vô Lượng Quang ở thế giới Cực Lạc..."*. Đây là cơ sở cho thuyết tự tính Di Đà duy tâm Tịnh Độ, nội dung vãng sinh chính ở bản tâm chúng sinh chứ không đi đâu xa.

Kinh Dược Sư cũng có nói: nếu có người nào vâng giữ giới pháp, nguyện sinh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, nhưng nếu chưa quyết định. Khi mạng chung nếu có thể nghe danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai sẽ có tám vị Đại Bồ Tát từ trên không trung đi đến đưa đường chỉ lối cho chúng sinh ấy đến thế giới Cực lạc.

Ngài Long Thọ (龍樹; Nāgārjuna, vào thế kỷ thứ II) có tác phẩm *Thập trụ Tỳ Bà Sa luận* có một phẩm đáng chú ý là phẩm "dị hành đạo" đây cũng là cơ sở cho thuyết tự lực và tha lực sau này. Tịnh Độ Tông của Nhật Bản căn cứ vào *Thập trụ tỳ bà sa luận* này mà trước tác và tôn vinh Ngài Long Thọ là tổ sư Tịnh Độ Tông của Nhật Bản.

Ngài Thế Thân (世親;Vasubandhu, vào thế kỷ IV-V) trước tác rất nhiều tác phẩm, trong đó có tác phẩm: *Vãng sinh luận* và *Nhiếp đại thừa luận...* cũng hướng hành giả về Tịnh Độ. Lời nguyện trong *Nhiếp đại thừa luận* của ngài Thế Thân có đoạn rằng: *"Nguyện tất cả chúng sinh đều thấy Phật A Di Đà".* Còn trong *Vãng sinh luận* quan điểm của ngài Thế Thân như một nhà Tịnh Độ giáo được biểu lộ một cách trọn vẹn, đây như một bản văn nguyên thủy để sớ giải sau này. Trong tác phẩm có đoạn:

"Thế Tôn ngã nhất tâm

Quy mạng tận thập phương

Vô Ngại Quang Như Lai

Nguyện sinh An Lạc Quốc”

Như vậy ở Ấn Độ, đến thời Ngài Long Thọ, tín ngưỡng A Di Đà chỉ là một bộ phận giữa các tín ngưỡng các đức Phật khác. Đến thời Ngài Thế Thân tuy tư tưởng này đã tiến lên chiếm một vị trí nổi bật nhưng rồi sau đó ít thấy luận sư nào ở Ấn Độ đề cập đến nữa. Dẫu vậy, công trình của hai Ngài đã trở thành nền móng vững chắc cho những phát triển về sau của Tịnh Độ Tông ở các quốc gia khác.

[caption id="attachment_16812" align="aligncenter" width="591"]
Sức Lan Tỏa Của Pháp Môn Tịnh độ Và Hình ảnh đức Phật A Di Đà đã đi Vào Tâm Thức
Sức lan tỏa của pháp môn Tịnh độ và hình ảnh đức Phật A Di Đà đã đi vào tâm thức người Việt Nam biểu hiện cả trong cách chào hỏi. Ảnh: zhmy.com[/caption]

Ở Trung Quốc kinh A Di Đà cũng như tư tưởng Tịnh Độ xuất hiện rất sớm, năm 117, Chi Lâu Ca Sấm dịch từ Phạn ngữ ra Hán ngữ tác phẩm *Ban châu tam muội* (3 quyển) và *Phật thuyết ban châu tam muội* (1 quyển), hiện trong Đại Tạng kinh 13. Trong tác phẩm xuất hiện danh từ A Di Đà rất nhiều lần.

Đầu thế kỷ thứ 3, tác phẩm Phật thuyết A Di Đà tam da tam Phật tát lâu Phật đàn quá độ nhân đạo kinh (2 quyển) với dịch giả là Ngô Chi Khiêm. Tác phẩm được lưu trong Đại Tạng Kinh 12.

Đầu thế kỷ thứ V, đời Diêu Tần, có ngài Cưu Ma La Thập dịch tác phẩm Phật thuyết A Di Đà kinh (1 quyển). Đây là một trong những tác phẩm được các bậc đại sư, cao tăng, dịch giả ở Việt Nam lựa chọn để chuyển Việt ngữ nhất cho đến hiện nay. Tác phẩm được lưu trong Đại Tạng Kinh 12.

Tịnh Độ Tông được Trung Quốc đón nhận, tu tập và phát huy mạnh mẽ trở thành một trong những tông phái lớn có sức ảnh hưởng cả trong và ngoài nước từ lúc mới hình thành đến nay (thế kỷ XXI) thì các bản dịch, luận giảng, sớ sao, sớ giải.vv.. được hình thành rất nhiều. Chư vị tổ sư, các bậc tiền bối cao tăng, các nhà dịch thuật... nối tiếp nhau xây dựng hệ tư tưởng Tịnh Độ cùng hình ảnh Đức A Di Đà thêm phong phú và lớn mạnh bằng rất nhiều đầu sách có giá trị để lại hậu thế.

Đối với người Phật tử Việt Nam, Kinh A Di Đà cùng hồng danh A Di Đà Phật từ lâu đã trở thành nơi hướng tâm về để gửi trọn niềm tin trong đời sống tâm linh và pháp môn tu tập. Sức lan tỏa của pháp môn Tịnh Độ và hình ảnh đức Phật A

Di Đà đã đi sâu vào tâm thức người Phật tử Việt Nam biểu hiện cả trong cách chào hỏi tạo thành nét đẹp đặc sắc trong ứng xử văn hóa Phật giáo, song song đó kinh A Di Đà hay hồng danh của Ngài từ xưa đã xuất hiện trong các khóa lễ trì tụng kinh văn nhất là các buổi lễ cầu siêu và trong cả các pháp môn tu tập của phần lớn giới tu sĩ và cư sĩ.

Có lẽ vì dân tộc Việt Nam vốn xem trọng việc thờ cúng ông bà tổ tiên. Dựa trên nguyên tắc tương tác âm siêu dương thới nên người Phật tử thường tụng niệm siêu độ cho thân nhân khi qua đời. Mà bộ kinh được lựa chọn nhiều nhất chính là kinh A Di Đà vì những đại nguyện của Ngài đối với chúng sinh. Phật giáo vào thời Lý – Trần, đã kết hợp Thiền vào Tịnh tạo thành pháp môn Tịnh Độ phù hợp cho mọi căn cơ từ bậc thượng trí, trung trí đến hạ trí khiến đạo Phật có thể lan rộng, thấm sâu trong đời sống của mọi tầng lớp xã hội Việt bấy giờ và được kế thừa, ứng dụng, phát huy đến ngày hôm nay. Đây quả là nét đặc sắc của Phật giáo Việt Nam trong sự dung hợp Thiền-Tịnh. Thiền với trí tuệ của sự định tĩnh làm cho tinh thần Phật giáo phóng khoáng, không cố chấp vào điều hữu hạn ở một tư tưởng nào. Tịnh Độ làm cho Phật giáo trở nên gần gũi bình dị mà chứa chan tình cảm, dễ ngấm sâu và lan rộng vào đời sống tâm thức mọi người dân ở nhiều tầng lớp trong xã hội. Tịnh Độ cõi Phật Di Đà như thế phù hợp với nhu cầu thiết yếu tâm thức phần đông người con đất Việt chúng ta.

Xét về phương diện lịch sử, dòng chảy tư tưởng về đức Phật A Di Đà ở Việt Nam đã xuất hiện rất sớm. Trước thế kỷ thứ III, theo Cựu tạp thí dụ kinh, danh hiệu của đức Phật A Di Đà được nhắc đến sớm nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Pháp môn niệm Phật cũng đã được đề cập trong Lục độ tập kinh do Thiền sư Khương Tăng Hội dịch khi ở Giao Châu.

Đến thế kỷ thứ V, Thiền sư Đàm Hoằng (mất năm 455) đã sang Việt Nam, ngài ở tại chùa Tiêu Sơn truyền đạo. Đàm Hoằng là nhà sư Trung Quốc chuyên hành trì pháp môn Tịnh Độ với ước nguyện vãng sinh cực lạc. Từ đây, hồng danh A Di Đà Phật đã dần trở thành dòng chảy tư tưởng trôi chảy miên viễn trong lòng dân tộc Việt Nam.

Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (cuối thế kỷ thứ VI), đây là một hệ phái có ảnh hưởng của Mật giáo. Nhưng tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã dịch kinh *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì*. Ngay trong phần đầu của kinh, là những câu chuyện ca ngợi Tỳ kheo Tịnh Mạng, một tiền kiếp của đức Phật A Di Đà. Các vị Thiền sư của hệ phái này dù thực hành Thiền với ảnh hưởng của Mật pháp lại xưng tán đức Phật A Di Đà để làm biểu trưng và đưa pháp môn Tịnh Độ vào trong lòng đời sống xã hội.

Vào thời Lý, khi xem lại các văn bia trong quá trình khảo cứu về các vị Thiền sư thì tất cả các văn bia còn lại nói chung đều có chữ mở đầu là A Di Đà Phật; hiện tại vẫn còn một pho tượng đức Phật A Di Đà hoàn thành năm 1057 tại chùa Vạn Phúc tỉnh Hà Bắc.

Đến thời Trần song song với sự phát triển vững mạnh của Thiền Tông thì Tịnh Độ Tông cũng được lồng ghép và phát triển không kém. Thể hiện rõ trong tác phẩm *Khóa hư lục* của Trần Thái Tông - Ông là ngọn đuốc Thiền Tông thời nhà Trần. Tác phẩm *Khóa hư lục* có nói nhiều về Tịnh Độ và pháp môn niệm Phật. Trong tác phẩm này có đoạn *"nay hành giả muốn khởi chánh niệm để dứt tam nghiệp thì cũng cần mượn công phu niệm Phật... khi niệm Phật thân ngồi ngay thẳng không hành tà đạo, đó là dứt thân nghiệp. Miệng tụng niệm Phật, không nói lời tà ngữ đó là dứt trừ khẩu nghiệp. Ý duy trì tinh tấn (niệm Phật) không khởi tà niệm đó chính là dứt trừ ý nghiệp".*

Thời vua Tự Đức (1874-1883) có Sa môn Thông Duệ (trụ trì chùa Phước Long, làng Phù Lãng, huyện Vũ Giang, tỉnh Bắc Ninh) đã khắc bản ấn hành kinh A Di Đà.

Năm 1949, Thầy Minh Huyên hiệu Pháp Tạng, khai sáng giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương và từ mạch nguồn ấy có Ngô Lợi khai sáng giáo phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Huỳnh Phú Sổ đã khai sáng giáo phái Phật giáo Hòa Hảo. Truyền thống các giáo phái này đều cùng một Tông chỉ, do Phật Thầy Tây An chủ xướng: làm nổi bật giáo lý "tứ trọng ân" nhưng phải đặt ân tổ quốc trên hết khi đất nước lâm nguy – sơn hà nguy biến, chỉ thuần niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu vãng sinh Tây Phương Cực Lạc.

Đầu thế kỷ XX, vào thời chấn hưng Phật giáo thì có Phật tử pháp danh Minh Trí sáng lập Tịnh Độ Cư Sĩ.

Vào đầu thập niên 50 giữa thế kỷ XX, Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch và trước tác nhiều tác phẩm liên quan Tịnh Độ Tông như kinh A Di Đà và soạn thuật sách Đường về Cực Lạc... Năm 1953, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh đích thân thành lập hội Cực lạc liên hữu tại chùa Liên Trì (Bà Rịa); năm 1957 thành lập hội Cực lạc liên hữu tại chùa Vạn Đức (Thủ Đức).

Năm 1957 có Hòa thượng Thích Thiện Phước hiệu Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41 sáng lập phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng. Hòa thượng Thích Thiện Phước sáng lập phái này ở Tổ đình Linh Sơn, núi Dinh (núi Bồng Lai), nay là Ấp Phước Thành, Xã Tân Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đây là một môn phái kế thừa chánh pháp bằng pháp môn Tịnh Độ và pháp hạnh Khất sĩ. Sau đó Hòa thượng Thích Thiện Phước lập nên đạo tràng Tịnh Độ và

soạn thuật nhiều tác phẩm liên quan.

Thiền sư Thích Duy Lực là người chuyên hoằng dương Tịnh Độ, hướng dẫn người Hoa tu Tịnh Độ hàng chục năm và Ngài là người khởi xướng Niệm Phật Thất tại Việt Nam trong thế kỷ 20. Và rất nhiều bậc tôn túc lớn thời hiện tại vẫn thường tu tập và khuyên hành giả nên tu học Tịnh Độ.

Như vậy, kinh A Di Đà hay Pháp môn Tịnh Độ đối với người Phật tử Việt Nam luôn giữ được sự quan tâm rất lớn. Dù năm tháng có qua đi với bao cuộc chiến tranh tàn phá thì dòng chảy tư tưởng đức Phật A Di Đà luôn là nơi để trái tim người Phật tử Việt Nam gửi đến và hướng về. Cho nên, từ đầu thế kỷ XX đến nay chư vị tổ sư, các bậc Đại sư, chư Tăng, nhà nghiên cứu... luôn tiếp nối nhau dịch thuật tác phẩm kinh A Di Đà ra chữ quốc ngữ để hành giả tu tập, nhà học thuật, đọc giả... có thể dễ tiếp cận ngữ nghĩa của kinh. Công trình dịch thuật, giảng giải, chú sớ về kinh A Di Đà... của chư vị tiền bối được thể hiện qua một số tác phẩm như sau:

Bản Việt dịch kinh A Di Đà xuất hiện trong giai đoạn đầu thế kỷ XX là bản dịch của Hòa thượng Thích Huệ Đăng (1873-1953). Đây là một trong những bản dịch theo thể thơ kệ về kinh A Di Đà được Việt ngữ ở giai đoạn đầu chuyển sang chữ La tinh. Tuy tác phẩm đã ra đời rất lâu nhưng một số tự viện vẫn lựa chọn bản dịch này để tụng đọc. Có thể vì trong tác phẩm ấy được tác giả dịch theo thể thơ kệ vần điệu cùng sự bình dị giúp hành giả dễ dàng đọc tụng và dễ hiểu nghĩa lý kinh văn.

Năm 1952, Ngài Tuệ Nhuận hoàn thành tác phẩm *Kinh Phật thuyết A Di Đà yếu giải*. Tác phẩm do Ngài La Thập dịch ra chữ Hán và Ngài Trí Hút giải thích những nghĩa thiết yếu trong kinh. Trong tác phẩm *Kinh Phật thuyết A Di Đà yếu giải*, Ngài Tuệ Nhận nêu lên tôn chỉ của kinh A Di Đà. Tôn chỉ kinh văn chính là đường lối thiết yếu tu hành, là then chốt để nhận rõ lấy thực tướng của tâm tính mình. Nó là cương lĩnh muôn vạn đức hạnh tu trì. Kinh này lấy cái tâm tín và nguyện với trì danh làm tôn chỉ thiết yếu tu hành. Nếu không có tín tâm thì không thể phát nguyện nếu không phát nguyện thì không đủ sức đến chỗ thực hành.

Năm 1953, hoàn thành tác phẩm *Kinh A Di Đà sớ sao*, Hòa thượng Thích Hành Trụ và được Phước Bình tuyển tập, tác phẩm tương đối đầy đủ với 550 trang. Nội dung tác phẩm ngoài lời giới thiệu, tác phẩm gồm hai quyển là quyển đệ nhất chung và quyển đệ nhị chung. Trong phần tổng danh có đoạn giải thích khái niệm “Cực lạc” như sau: từ không vô minh cho đến không lão tử nghĩa là không khổ khổ (khổ khổ là một trong tam khổ cơ bản của chúng sinh). Không 12 món ấy (12 món ấy là 12 nhân duyên) chính là bậc chân giải thoát, nghĩa là

hưởng sự vui. Kinh nói: quả Vô Thượng Bồ Đề là vui, giác pháp cõi vô thượng Niết Bàn là vui. Nếu bám theo lời kinh khổ và vui đối đãi thì đâu gọi thật cảnh vui. Như thật mà luận: nhiễm nếu không lập tịnh cũng không do đâu có. Tịnh uế đều không khổ vui bình đẳng. Cái vui như thế mới đúng nghĩa là "Cực lạc".

Năm 1953, Hòa thượng Thích Trí Tịnh thành lập Hội Cực Lạc Liên Hữu, có lẽ trong thời gian này hoặc sớm hay muộn hơn một vài năm Ngài đã dịch xong tác phẩm kinh A Di Đà. Thượng tọa Thích Nhật Từ cho rằng đây là bản dịch kinh A Di Đà sớm nhất bằng văn xuôi. Trở thành một trong những kinh văn được tác giả Việt dịch với mục đích trì tụng tại các khóa lễ. Tác phẩm *Kinh A Di Đà* của Hòa thượng Thích Trí Tịnh với lời văn gần gũi dễ hiểu và vần điệu dễ tụng nên được nhiều tự viện thuộc Bắc truyền lựa chọn để trì tụng hằng ngày.

Tác phẩm Kinh A Di Đà do tác giả Đoàn Trung Còn (1908-1988) chú giải và tác giả Nguyễn Minh Tiến Việt hiệu đính được xuất bản bởi nhà xuất bản Tôn giáo. Tuy chưa rõ năm tác giả hoàn thành bản dịch nhưng Ông cũng là một trong những tác giả dịch kinh ra chữ Quốc ngữ từ những giai đoạn đầu thế kỷ XX. Tác phẩm gồm có phần âm Hán Việt của Ngài Cưu Ma La Thập đời Dao Tần dịch từ Phạn ngữ ra Hán ngữ, phần Việt dịch do tác giả dịch và có những cước chú làm rõ nghĩa bản dịch. Như trong cước chú có phần giải thích "nhất tâm bất loạn" là ý chỉ cốt yếu của toàn kinh này. Không những trong khi ngồi mà khi đi, khi đứng, khi nằm lúc nào hành giả cũng giữ nơi lòng một câu Nam mô A Di Đà Phật, lòng tưởng nhớ đến Phật không để một tâm niệm nào xen vào đó gọi là nhất tâm bất loạn.

Năm 1965 tác giả Đỗ Thuận Hậu dịch và chú giải tác phẩm có tựa đề là *kinh A Di Đà*. Tác phẩm này được chú giải theo pháp lý vô vi khoa học huyền bí của Phật. Nội dung tác phẩm gồm hai phần chính là giải thích kinh A Di Đà và phần Phật học vấn đáp. Đây là một hướng nhìn rất khác về kinh A Di Đà.

Năm 1985, Hòa thượng Thích Chơn Thiện hoàn thành tác phẩm *Tư tưởng kinh Di Đà*. Tác phẩm 135 trang với hai chương chính là nội dung kinh A Di Đà và Tổng luận về kinh A Di Đà. Ở phần phụ lục có nguyên bản Phạn ngữ, bản dịch hán ngữ của Ngài Cưu Ma La Thập và bản Anh ngữ của tác giả F. Max Muller. Trong tác phẩm *Tư tưởng kinh Di Đà*, Hòa thượng Thích Chơn Thiện có phần lý giải về câu hỏi kinh: Kinh A Di Đà chỉ xiển dương tha lực với những câu niệm Phật suông là có thể được Phật Di Đà tiếp dẫn? Đây thật là sự tin tưởng không có căn cứ. Không giáo lý nào của Phật lại không xây dựng trên căn bản tự lực. Kinh A Di Đà tiếp nối truyền thống của giáo lý nguyên thủy với tinh thần tu tập nền tảng "*hãy là hòn đảo, là nơi nương tựa chính mình*" nên trong kinh A Di Đà nhấn mạnh "bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sinh bỉ quốc". Như vậy,

kinh A Di Đà chỉ xác nhận khả năng tu tập như thế nào mới được vãng sinh, mà không đảm bảo những người chỉ niệm suông danh hiệu Ngài. Nhân đây, Hòa thượng Thích Chơn Thiện nhấn mạnh trì niệm A Di Đà là nhiếp niệm, nhiếp tâm vào giới-định-tuệ để hàng phục các vọng tưởng, vọng niệm của mình. Cầu nguyện ở đây không phải bạch suông mà nội dung cầu nguyện là hành giới-định-tuệ (nói gọn là hành thiền định Phật giáo) để loại trừ chuyển hóa tham-sân-si cho đến mức độ tâm bất thoái chuyển đối với mục đích giác ngộ giải thoát khổ đau hoàn toàn.

Năm 1999, tập sách *Nghi thức tụng niệm đại toàn* do Thiền sư Thích Nhất Hạnh sưu tập và Việt dịch. Tập sách này tập hợp những nghi thức tụng niệm và những bài kinh trì tụng quan trọng được Thiền sư Thích Nhất Hạnh Việt dịch một cách dễ hiểu, rõ ràng, đượm màu sắc ngôn ngữ dân tộc. Tập sách này ra đời đầu tiên năm 1989 và được tái bản lần hai năm 1994 nhưng đến năm 1999 mới được Thiền sư Thích Nhất Hạnh thêm vào kinh A Di Đà và một số kinh khác như kinh Hạnh phúc, kinh Diệt trừ phiền giận.

Năm 2001 tác phẩm *Di Đà huyền chỉ* được nhà xuất bản Tôn giáo in và lưu chiểu. Tác phẩm *Di Đà huyền chỉ* thuộc tủ sách Kinh Đài. Thay vì chia chương như những sách khác tác phẩm này chia hoa sen từ hoa sen 1 đến hoa sen 8. Trong đó hoa sen 1 là giới thiệu Thiền Di Đà, hoa sen 2 là mật chỉ Thiền Di Đà, hoa sen 3 là niệm Phật thập lực, hoa sen 4 là so sánh cõi Ta bà với cõi Cực lạc, hoa sen 5 là phần tiện lợi, hoa sen 6 là ngoài tâm vô pháp, hoa sen 7 là Vĩnh Minh tư liệu giảng, hoa sen 8 là Di Đà sám pháp.

Năm 2002, Thượng tọa Thích Nhật Từ hoàn thành bản dịch *kinh Di Đà* được tập hợp trong Tủ sách Đạo Phật ngày nay và trở thành quyển kinh tụng hằng ngày ở một số tự viện với tinh thần chuyển Việt ngữ các kinh điển để tụng niệm. Trong bản dịch này Thượng tọa Thích Nhật Từ nhấn mạnh Thế giới Cực lạc là thế giới vắng bóng hoàn toàn mọi khổ đau, một thế giới hoàn toàn thanh tịnh, an lạc và lý tưởng. Sự an lạc được thể hiện trên hai phương diện là an lạc nội tâm và thịnh vượng về vật chất. Nói đến Cực lạc là nói đến trạng thái tâm thanh tịnh và vô nhiễm không còn khái niệm về khổ và con đường đưa đến khổ. Về vật chất thì hưng thịnh về cơ sở hạ tầng và dung hòa với thiên nhiên môi trường sống... Tịnh Độ ở phương tây là tiêu chí cụ thể giúp cho hành giả thiết lập tịnh độ trong tâm, trong mỗi hành vi và trong cuộc sống ở mọi nơi và mọi chốn.

Năm 2003 tác phẩm *Di Đà hợp giải* được Hòa thượng Như Hòa dịch. Tác phẩm này là kết quả của quá trình nghiêm cứu và có tham khảo nhiều tác phẩm như Phật thuyết A Di Đà giảng lục của Đạo nguyên, Phật Thuyết A Di Đà của Nam Đinh Hòa thượng, và một số tác phẩm khác. Sau đó Hòa thượng Như Hòa chọn

lấy ý chính và hoàn thành tác phẩm *Di Đà hợp giải* này. Đến năm 2013 đệ tử của Hòa thượng Như Hòa hợp dịch tại chùa Bửu Quang thêm một tác phẩm mang tự đề *A Di Đà Kinh hợp giải*. Nhưng tác phẩm này so với tác phẩm trước của Hòa thượng tương đối có nhiều điểm giống nhau. Trong tác phẩm *Di Đà hợp giải* của Hòa thượng Như Hòa dịch có giải thích một đoạn trong kinh Di Đà rất ấn tượng: "thị chư chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng: ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo phần, như thị đẳng pháp." Tuy âm thanh hòa nhã khiến lòng người vui sướng nhưng không làm người nghe sinh mê tâm tham đắm. Chính vì thuyết pháp không vướng mắc khiến người nghe phát sinh tuệ giác làm tăng trưởng đạo tâm. Chúng sinh cõi cực lạc phát sinh đạo tâm bất thoái chuyển cũng nhờ tăng thượng duyên này. Những pháp mà các loài chim này thuyết là những pháp trọng yếu của người tu hành nhập đạo. Các pháp ngũ căn, ngũ lực ..., như thị đẳng pháp chính là 37 phẩm trợ đạo.

16a

Năm 2004, xuất bản quyển *Kinh A Di Đà sớ sao* do Châu Hoằng thuyết và Tiến sĩ Nguyên Hồng dịch giải. Tác phẩm gồm phần trì tụng với nghi thức tiếng Việt, giải nghĩa bằng bản dịch kinh A Di Đà sớ sao, chú thích bằng bản dịch các từ Phật học. Đây là một trong nhiều tác phẩm nghiên cứu về kinh A Di Đà một cách tỉ mỉ và tương đối dễ hiểu. Tác phẩm *Kinh A Di Đà sớ sao* này nhấn mạnh: tín - nguyện - hạnh được coi như hành trang không thể thiếu khi cất bước trên con đường về Tịnh Độ. Ba hành trang này như đỉnh ba chân dù thiếu một cũng không được.

Năm 2006, Hòa thượng Thích Tuệ Hải hoàn thành tác phẩm mang tựa đề *Lược giải kinh Di Đà* tại chùa Long Hưng, nhà xuất bản Tôn giáo. Tác phẩm có 155 trang bao gồm những nội dung như sau, phần 1 nhân duyên lý giải kinh Di Đà, Phần 2 lược giải kinh Di Đà, phần 3 là phần kết luận.

Năm 2006, tác giả Nguyên Tánh dịch tác phẩm *Kinh A Di Đà Phật.* Tác phẩm Kinh A Di Đà này gồm có chữ Hán, âm Hán Việt, Việt ngữ, Anh ngữ giúp người nghiêm cứu dễ dàng đối chiếu ngôn ngữ.

Nhóm Tuệ Quang biên dịch các tác phẩm liên quan kinh A Di Đà như: tác phẩm *Kinh đại A Di Đà Phật* được tác giả Thích nữ Liên Hương Việt dịch năm 2006; tác phẩm *A Di Đà cổ âm thanh vương đà la ni kinh* ra đời năm 2007. Tác phẩm do tác giả Thích nữ Chơn Tịnh Việt dịch; Năm 2007 tác phẩm *Kinh Phật thuyết A Di Đà tam da tam Phật tác lâu Phật đàn quá độ nhân đạo* ra đời. Tác phẩm do Hòa thượng Thích Tuệ Quảng Việt dịch. Các tác phẩm này đều được Hòa thượng Thích Phước Nghiêm biên tập và lưu trong Đại tạng kinh Việt Nam.

Năm 2008 hoàn thành tác phẩm mang tựa đề *Lược giải kinh A Di Đà*. Tác phẩm này với nguyên tác bằng văn bạch thoại của tác giả Ngô Đức Trọng được Hòa thượng Thích Thiện Phước chuyển sang Việt ngữ. Sách *Lược giải kinh A Di Đà* với ngôn từ ngắn gọn dễ hiểu nhưng nghĩa lý thật sâu xa đã tạo nên sự thu hút và giá trị cao cho tác phẩm, bên cạnh đó tác phẩm kết hợp những tranh ảnh để người đọc dễ hiểu và dễ hình dung.

Năm 2009, Thượng tọa Thích Hạnh Tuệ và Hòa thượng Thích Thanh Quế cho ra mắt các sách thực giải về những bộ kinh quan trọng trong đời sống tu học của Phật giáo Việt Nam như Kim Cang, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Lăng già, Hoa Nghiêm, Địa Tạng, Tứ thập nhị chương, Bát đại nhân giác, Phổ môn, Pháp hoa, Di giáo, Tứ niệm xứ, Duy thức tam thập tụng. Đặc biệt trong loạt sách này có tác phẩm *kinh Di Đà thực giải* với lời văn giản dị cô đọng, thiết thực nghĩa lý rõ ràng dễ hiểu, dễ thực hành nên nhận được nhiều sự quan tâm của độc giả.

Năm 2009 (in và lưu chiểu năm 2012) tác phẩm *Kinh Di Đà lược giải viên trung sao* được Hòa thượng Thích Phổ Tuệ dùng để giảng cho hạ trường Tăng Ni thuộc tỉnh Hà Tây cũ và được các học chúng ghi chép lại. Sau đó Thượng tọa Thích Tiến Đạt chùa Cự Đà xin ấn tống lại để làm tài liệu. Tác phẩm *Kinh Di Đà lược giải viên trung sao* có 306 trang tương đối dễ hiểu và gần với đời sống tu tập của hành giả, mang giá trị về mặt nghiên cứu học thuật và tu tập tâm linh. Nội dung tác phẩm gồm có: lời tựa, lời dẫn đầu khắc ván, Di Đà lược giải viên trung sao tựa, Phật thuyết A Di Đà kinh lược giải tựa, trình bày duyên khởi, trình bày tên kinh, thể của kinh, tông yếu kinh, lược nội dung kinh, Di Đà lược giải viên trung sao quyển trên và Di Đà lược giải viên trung sao quyển dưới.

Năm 2011, xuất bản quyển sách *Kinh A Di Đà bạch thoại giải thích* tại nhà xuất bản Phương Đông. *Kinh A Di Đà bạch thoại giải thích* là bản dịch từ tác phẩm của tác giả Huỳnh Trí Hải và được Hòa thượng Thích Trí Minh Việt dịch. Nội dung tác phẩm gồm kinh văn, âm, nghĩa, giải thích và tóm tắt lại phần giải một vài câu để người đọc dễ nắm bắt nội dung chánh. Cuối cùng có phần giải thích danh từ trong bài học để người mới tìm hiểu có thể dễ tiếp cận hơn. Trong tác phẩm có đoạn nhằm nhấn mạnh tính quan trọng của Kinh A Di Đà như sau: “thánh giáo Thế Tôn chỉ có Hoa nghiêm là vua trong ba tạng. Trong đó Hoa Nghiêm thuyết minh về việc một đời viên mãn Phật quả. Trọng tâm của việc viên mãn ở quyển cuối bộ Đại Hoa nghiêm là Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện. Trong mười nguyện ấy đều nguyện về an dưỡng (một tên khác của cõi cực lạc).

Để tưởng niệm đức Thế tôn thành đạo năm Tân Mão (2012), Hòa thượng Thích Minh Điềm hoàn thành tác phẩm *Lược giải kinh A Di Đà* với 62 trang. Nội dung tác phẩm gồm có: lời tựa, phần lược giải và cuối cùng là kinh A Di Đà bằng chữ

Hán. Trong phần lược giải có chánh văn, giải thích từ ngữ, lược giải và chú thích. Tác phẩm tương đối dễ hiểu và chi tiết vì những từ khó đã được giải thích rõ cũng như những ý chánh kinh đã được làm sáng tỏ cụ thể ở phần lược giải.

Năm 2012, Hòa thượng Thích Trí Quang biên tập, tác phẩm mang tựa đề *Tôn kính đức A Di Đà*, nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Nội dung gồm hai phần là hành pháp kinh Di Đà và kinh Đại Di Đà. Tác phẩm có 302 đây là một trong những bản dịch thuật mang màu sắc trí thức với dạng nghiên cứu học thuật cao.

Năm 2012 ấn hành tác phẩm *Những bản văn căn bản của Phật giáo Tịnh Độ (A Di Đà) Nhật Bản*. Tác phẩm này được dịch tại Úc Châu với tác giả Việt dịch là tác giả Thích nữ Như Điển dịch từ bản tiếng Đức ra bản tiếng Việt có so sánh với bản tiếng Nhật.

Năm 2019, Hòa thượng Thích Thái Hòa hoàn thành tác phẩm *Phật thuyết A Di Đà kinh*. tác phẩm có 660 trang rất đầy đủ, rõ nghĩa và có thể trở thành một trong những quyển sách quan trọng cho đọc giả khi nghiên cứu về kinh A Di Đà. Tác phẩm *Phật thuyết A Di Đà kinh* này là kết quả của tác giả với hơn 40 năm thọ trì, nghiền ngẫm, đọc tụng đối chiếu kinh A Di Đà với nhiều ngôn ngữ khác nhau cũng như các bản chú sớ của các bậc cao đức. Khi dịch tác phẩm này tác giả đối chiếu hai bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập và Huyền Tráng kết hợp các bản của các ngài Pháp Hiền, Khuy Cơ,... để tham khảo thâm ý của kinh từ tuệ giác chứng nghiệm của các bậc cổ đức để khi luận giảng không rơi vào những tri kiến và kinh nghiệm chủ quan.

Năm 2020 in và lưu chiểu quyển sách *Thiết lập tịnh độ* do Thiền sư Thích Nhất Hạnh giảng giải theo phong cách thiền. Tác phẩm *Thiết lập tịnh độ* này giống như cánh cửa giúp đọc giả mở ra khung trời mới để có thể nhìn ngắm thế giới Tịnh Độ qua nhiều tầng nghĩa khi tiếp xúc với kinh A Di Đà. Đặc biệt trong tác phẩm Thiền sư Nhất Hạnh nhấn mạnh rằng thật ra Tịnh Độ là một sáng tạo phẩm cộng đồng không những của đức A Di Đà mà còn của dân chúng trong nước ấy. Dù đức Phật Di Đà có an lạc, vững chãi cách mấy nhưng chúng sinh trong ấy vẫn bận rộn, vẫn chưa nói được với nhau những lời ái ngữ thì cõi đó chưa thể gọi là cõi Tịnh Độ. Cho nên, dù đang trong cõi Ta bà chưa sinh về Tịnh Độ nhưng nếu chúng ta đi được từng bước vững chãi và thảnh thơi, nếu chúng ta biết sử dụng ái ngữ, biết thương yêu và đùm bọc cho nhau, thì Tịnh Độ đã có thể có mặt ngay tại đây rồi và chuyện gia nhập vào cõi Tịnh Độ của đức A Di Đà sẽ trở thành một chuyện rất dễ.

Năm 2022 ấn hành tác phẩm *Kinh A Di Đà* của Đạo tràng Liên Hoa tại Hoa Kỳ. Tác phẩm bao gồm kinh A Di Đà âm Hán Việt, Việt ngữ và Anh ngữ. Đây là một

trong những bản dịch kinh A Di Đà với nhiều ngôn ngữ giúp người đọc có thể dễ so sánh đối chiếu.

Tác phẩm *kinh A Di Đà* được Hòa thượng Thích Trí Quảng dịch. Tác phẩm này được tác giả dịch ngắn gọn với mục đích trì tụng. Kinh tụng A Di Đà này với văn phong có phần khác với những bản dịch trước kia và sau này, tuy ngắn gọn nhưng lại rất vần điệu dễ đọc tụng và dễ thuộc. Trong bản dịch có đoạn "*này Xá Lợi Phất, ở nước Phật ấy mỗi khi gió nhẹ xao động hàng cây và màng lưới báo tạo ra âm thanh vi diệu hơn cả nhạc trời làm cho người nghe ưa thích niệm Phật niệm pháp niệm tăng*". Hiện tại đạo tràng Pháp Hoa do Hòa thượng Thích Trí Quảng thành lập vẫn thường trì tụng quyển kinh A Di Đà dịch nghĩa này.

Tác phẩm *Yếu giảng kinh A Di Đà* do Hòa thượng Thích Thiện Tài soạn dịch. Tác phẩm có 144 trang với 29 bài giảng tương đối dễ hiểu. Tác phẩm *Yếu giảng kinh A Di Đà* giúp cho người đọc hiểu hơn về kinh Di Đà với nhiều phương diện như thâu kết nội dung ý nghĩa, hiểu rõ nghĩa chân thật Tịnh Độ hay Phật A Di Đà là ai... sau đó nêu âm nghĩa và giải thích từng đoạn.

Tác phẩm *Phật Thuyết Kinh A Di Đà* của Hòa thượng Tuyên Hóa lược giải và được nhóm Vạn Phập Thánh thành Việt dịch. Đây là một trong những tác phẩm tương đối dễ hiểu với lối hành văn gần gũi, cộng thêm uy tín của Hòa thượng Tuyên Hóa. Tác phẩm cũng nhận được rất nhiều sự đón nhận của độc giả. Giai đoạn đầu sách này chỉ lưu hành nội bộ đến năm 2008 mới chính thức được xuất bản bởi nhà xuất bản Tôn giáo.

Kinh Phật thuyết A Di Đà do Tổng hội Phật giáo Pháp giới Vạn Phật thánh thành Việt dịch. Tác phẩm chỉ thuần Việt dịch tương đối ngắn gọn và dễ hiểu. Đầu tác phẩm có kệ khai kinh và cuối tác phẩm có kệ tán Phật A Di Đà.

Tác phẩm *A Di Đà sớ sao diễn nghĩa* của Pháp sư Tịnh Không chủ giảng, Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao, Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa, được Hòa thượng Như Hòa chùa Bửu Quang chuyển ngữ. tác phẩm có 9 quyển mỗi quyển có trên dưới 600 trang có quyển lên tới hơn 900 trang. Đây là một công trình tương đối lớn về kinh A Di Đà và tư tưởng Tịnh Độ với những lời giảng bình dị mà uyên thâm của một vị cao tăng lỗi lạc ở Trung Hoa thời cận đại.

Kinh A Di Đà được hệ phái Khất sĩ chuyển qua thể kệ để tụng đọc rất vần *điệu. Trong bản kinh có đoạn:*

"A-Di-Đà thậm thâm công đức

Nên kinh này chư Phật hộ trì

Xá-Lợi, ngươi ý xét suy

Chư Phật hộ niệm kinh này có sao?

Này Xá-Lợi, người nào nam nữ

Nghe kinh này tín sự phụng hành

Với nghe chư Phật kim danh

Đặng phần hộ niệm đạo thành chẳng lui".

Ngoài ra còn vô số tác phẩm được dịch giải, chú sớ, giảng nghĩa, và các luận án, bài viết,...liên quan kinh A Di Đà và Tông Tịnh Độ cũng như thế giới Cực lạc đơn cử như: Tịnh Tông nhập môn, Khai thị niệm Phật, Vãng sinh luận,... của Hòa thượng Tịnh Không; Quê hương cực lạc của Hòa thượng Trí Tịnh; Xác minh vấn đề sự niệm Phật, Niệm Phật mật nghĩa, Bất thiểu thiện căn... của Hòa thượng Thích Thiện Huệ,...và còn vô số tác phẩm của chư vị tiền bối khác. Như vậy, kinh A Di Đà luôn là nguồn cảm hứng vô tận đối với phần lớn chư vị tổ sư, các bậc cao tăng, nhà nghiên cứu... của Tịnh Độ Tông và các học giả muốn tìm hiểu nghiên cứu về tông này. Cho nên từ xưa đến nay kinh A Di Đà luôn được tiếp nối dịch thuật, chú giải, giảng nghĩa... dần xây dựng thành công trình tri thức đồ sộ về hệ thống tư tưởng kinh A Di Đà. Mỗi một tác phẩm lại có chỗ sở đắc và góc độ tiếp cận riêng của từng tác giả. Trên nền tảng đó, công trình dịch thuật giảng giải này không những đồ sộ về mặt số lượng mà còn phong phú về cách tiếp cận ngữ nghĩa những hình ảnh ẩn dụ trong kinh, song song đó còn đa dạng về các tầng nghĩa sâu mầu với nhiều góc độ thông qua sự nghiên cứu, tu tập thực chứng của chư vị tiền bối. Những Công trình tri thức ấy dần trở thành vô giá đối với thế hệ sau.

KẾT LUẬN

Không phải ngẫu nhiên mà từ xưa đến nay kinh A Di Đà được chư vị tổ sư tiền bối chọn trì tụng trong các thời công phu quan trọng của chùa; cũng không phải ngẫu nhiên mà pháp môn niệm Phật của tông Tịnh Độ được cộng đồng Phật tử trên thế giới nói chung, tín đồ Bắc tông của các quốc gia Phật giáo Đại thừa như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam... nói riêng tin tưởng thực hành. Có thể khẳng định, so với các tông phái khác của đạo Phật, kế cả Thiền tông, hiện nay tín đồ Phật tử theo tông Tịnh Độ vẫn là đông nhất. Điều mà chúng ta cần suy nghĩ cho thấu đáo là vì sao như vậy?

Thực tế rất nhiều chư vị tổ sư, chư tăng, tín đồ Phật tử đã ngộ đạo, vãng sinh với những điềm lành vi diệu khi tu tập theo pháp môn niệm Phật. Việt Nam là

một trong những nước có số tín đồ tụng đọc kinh A Di Đà và tu tập theo giáo lý Tịnh Độ nhiều nhất. Hiện nay bài kinh gần như được trì tụng thường xuyên nhất tại các tự viện từ miền Bắc, miền Trung đến miền Nam chính là kinh A Di Đà. Pháp môn niệm Phật cũng có thể nói là pháp môn được nhiều hành giả lựa chọn để hành trì tu tập. Kinh A Di Đà không chỉ với niềm tin chạy trốn thực tại khổ đau để sinh về cõi khác an vui mà có thể đứng vững như vậy với bao thế kỷ đi qua. Kỳ thật bản kinh A Di Đà tuy rất ngắn gọn nhưng chứa đựng đầy đủ giáo lý căn bản uyên áo trọng tâm của Phật Đà, lại có thể dễ dàng phổ cập mọi tầng lớp tín đồ. Nếu như hệ thống Bát Nhã với tâm kinh Bát Nhã làm bài kinh tóm lược cốt tuỷ thực tính rỗng không của vạn pháp thì giáo nghĩa Tịnh Độ lấy kinh A Di Đà làm căn bản tóm lược yếu nghĩa nhất tâm niệm Phật vãng sinh Tây Phương Cực Lạc. Sự viên thông giữ lý và sự cùng những hình ảnh ẩn dụ nhiệm màu đã xây dựng nên niềm tịnh tín về thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà cũng như thế giới cực lạc hiện tiền trong tâm thức thanh tịnh mỗi hành giả. Hòa thượng Thích Minh Thông - bậc tôn túc lão thông luật tạng thời hiện đại cũng đã nhiều lần khẳng định và khuyên mọi người trên con đường tu học nên chọn điểm tựa tinh thần cho mình. Điểm tựa ấy là phương tiện giúp tâm vọng có chỗ nương khi chúng sinh hiện tại chưa thấy và sống được với tâm chơn. Đức Phật tùy theo căn cơ mà dạy rất nhiều phương pháp giúp cho chúng sinh bớt khổ thêm vui hướng tới giác ngộ giải thoát. Một trong các con đường ấy không gì hơn là nhất tâm niệm Phật A Di Đà, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc vượt thoát mọi nỗi khổ đau. Vì hạnh nguyện cứu khổ độ sinh rộng lớn, tâm từ bi vô phân biệt của đức Phật A Di Đà phù hợp với mọi căn cơ, nghiệp lực và nguyện vọng thoát khổ của muôn vạn chúng sinh đang trôi lăn trong biển khổ sinh tử luân hồi liên miên bất tận này.

Tác giả: **SC.Thích nữ Trung Hiếu & TT TS.Thích Hạnh Tuệ**